

**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
VẬN TẢI QUẢNG NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 31

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Ngọc Hưng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám
đốc



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Số 08B/BCSX/2017-RSMMT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Dương Nghĩa**Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2016-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
– Chi nhánh miền Trung**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.315.248.194	48.203.954.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.027.329.985	6.455.911.404
1. Tiền	111		4.027.329.985	2.455.911.404
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	16.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.680.194.154	25.037.971.333
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	23.272.744.886	27.502.839.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.969.878.300	80.054.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.510.637.421	2.155.553.947
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.073.066.453)	(4.700.476.114)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	11.607.724.055	16.710.071.444
1. Hàng tồn kho	141		11.607.724.055	16.710.071.444
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.014.545.639	33.099.887.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		990.896.525	699.964.328
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	990.896.525	699.964.328
II. Tài sản cố định	220		24.444.024.792	25.080.212.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	24.191.120.183	24.826.817.559
Nguyên giá	222		74.156.791.366	71.601.303.290
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.965.671.183)	(46.774.485.731)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	252.904.609	253.394.517
Nguyên giá	228		258.293.600	258.293.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.388.991)	(4.899.083)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	128.775.049
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	128.775.049
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.000.000.000	3.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.579.624.322	4.190.936.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	7.579.624.322	4.190.936.145
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		91.329.793.833	81.303.841.779

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.389.954.480	35.086.930.733
I. Nợ ngắn hạn	310		47.206.493.306	35.086.930.733
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	5.321.551.180	5.944.179.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	12.168.110.420	12.401.007.784
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.565.190.992	1.556.075.014
4. Phải trả người lao động	314		1.501.378.355	2.448.871.320
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	527.500.968	136.156.045
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	257.745.089	315.400.929
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	11.245.027.769	6.314.760.884
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	11.796.229.603	1.435.013.050
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	1.905.417.254	3.594.354.811
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		918.341.676	941.111.097
II. Nợ dài hạn	330		1.183.461.174	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.18	1.183.461.174	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.939.839.353	46.216.911.046
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	42.533.607.964	45.810.679.657
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.379.414.871	8.379.414.871
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.061.777.617	1.561.777.617
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.790.627.886	8.567.699.579
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.790.627.886	8.567.699.579
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		301.787.590	301.787.590
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		406.231.389	406.231.389
1. Nguồn kinh phí	431		124.245.000	124.245.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		281.986.389	281.986.389
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		91.329.793.833	81.303.841.779



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAMSố 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	71.373.294.496	64.964.720.439
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.21	220.139.092	303.906.362
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.153.155.404	64.660.814.077
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	64.172.254.096	55.389.237.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.980.901.308	9.271.576.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	315.856.252	288.763.297
7. Chi phí tài chính	22	4.24	101.334.665	186.674.143
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>53.245.040</i>	<i>147.161.376</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	240.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	3.188.556.657	4.714.042.417
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.766.866.238	4.659.623.674
11. Thu nhập khác	31	4.27	2.573.940.999	1.285.218.763
12. Chi phí khác	32	4.28	175.208.004	62.311.777
13. Lợi nhuận khác	40		2.398.732.995	1.222.906.986
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.165.599.233	5.882.530.660
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.30	1.374.971.347	1.276.753.095
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.790.627.886	4.605.777.565



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Số 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.165.599.233	5.882.530.660
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.437.214.703	6.520.737.533
Các khoản dự phòng	03		(2.132.886.044)	1.840.283.563
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.102.219.889)	(534.217.842)
Chi phí lãi vay	06		53.245.040	147.161.376
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.420.953.043	13.856.495.290
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.161.138.175	796.531.097
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.102.347.389	1.463.081.802
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.139.578.189)	(2.390.913.876)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.388.688.177)	(49.859.522)
Tiền lãi vay đã trả	14		(48.134.127)	(151.723.851)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(980.451.073)	(1.314.629.997)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.880.469.000)	(65.713.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.247.118.041	12.143.267.943
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.672.252.370)	(12.370.778.507)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		786.363.637	245.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(16.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.848.972.720	1.427.098.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.036.916.013)	5.301.774.831
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		16.626.085.403	1.037.970.300
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.264.868.850)	(7.192.689.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.361.216.553	(6.154.719.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(50 = 20+30+40)		(2.428.581.419)	11.290.323.374
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.455.911.404	3.275.840.172
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	(70 = 50+60+61)		4.027.329.985	14.566.163.546



Nguyễn Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Đặng Thơ

Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan

Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Quản lý và Xây dựng Đường bộ Quảng Nam theo Quyết định số 5233/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000390766 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 09 năm 2014. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông với mã chứng khoán QTC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 532/QĐ-TTGDHN ngày 29/12/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội). Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/01/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước Vốn góp của các cổ đông khác	Việt Nam	14.526.000.000	53,8%	14.526.000.000	53,8%
		12.474.000.000	46,2%	12.474.000.000	46,2%
Cộng		27.000.000.000	100%	27.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 108 người (31 tháng 12 năm 2016 là: 106).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, khai thác đá và kinh doanh bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, thủy điện, các công trình công cộng;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản lý, khai thác và duy tu các công trình giao thông đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán các công trình xây dựng, công trình giao thông; Giám sát công trình đường bộ; Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thăm dò, khai thác và sản xuất các loại vật liệu phục vụ sửa chữa và xây dựng hệ thống giao thông đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 01 Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1, địa chỉ tại Số 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.038.669.453	1.675.035.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.988.660.532	780.875.654
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	4.000.000.000
Cộng	4.027.329.985	6.455.911.404

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

Ngắn hạn:
Tiền gửi có kỳ hạn (*)

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-

(*) Trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty, khoản tiền gửi có kỳ hạn 05 tháng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Quảng Nam, số tiền 6.000.000.000 đồng đã được thế chấp để đảm bảo các hợp đồng bảo lãnh tại Ngân hàng này.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Cộng	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1 có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ khách hàng:	22.336.257.886	24.696.691.200
<i>BQL DA Đầu tư Xây dựng Tam Kỳ</i>	5.138.447.000	3.242.637.800
<i>Sở GTVT Quảng Nam</i>	11.831.788.910	16.805.435.910
<i>Các khách hàng khác</i>	5.366.021.976	4.648.617.490
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục [4.34]	936.487.000	2.806.148.000
Cộng	23.272.744.886	27.502.839.200

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Tratimex	1.329.281.000	-
Công ty QL và XD Đường bộ Quảng Nam	139.334.000	-
Công ty TNHH Xây dựng TM&DV Tuấn Thịnh	256.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	245.263.300	80.054.300
Cộng	1.969.878.300	80.054.300

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về vốn thi công các đội, hạt	1.176.154.994	-	235.554.919	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	1.706.791.468	-
Tạm ứng người lao động	134.780.000	-	181.680.000	-
Lãi dự thu	178.708.333	-	5.033.333	-
Bảo hiểm nộp thừa	15.423.560	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	5.570.534	-	23.905.707	-
Phải thu khác	-	-	2.588.520	-
Cộng	1.510.637.421	-	2.155.553.947	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	990.896.525	-	699.964.328	-
Cộng	990.896.525	-	699.964.328	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.536.156.778	463.090.325	6.561.271.578	1.860.795.464
Cộng	3.536.156.778	463.090.325	6.561.271.578	1.860.795.464

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Khu đô thị số 7A ĐTM Điện Nam - Điện Ngọc	939.694.244	-	> 3 năm	939.694.244	-	>3 năm
Công trình khu TĐC xã Trà Đơn	470.878.031	-	> 3 năm	470.878.031	-	>3 năm
Công trình đường nội thị Tiên Phước	331.970.000	99.591.000	2-3 năm	1.284.426.000	642.213.000	1-2 năm
Công trình đường vào KDT lịch sử Nước Oa	391.447.000	195.723.500	1-2 năm	1.487.284.000	743.642.000	1-2 năm
Các khách hàng khác	1.402.167.503	167.775.825	-	2.378.989.303	474.940.464	-
Cộng	3.536.156.778	463.090.325		6.561.271.578	1.860.795.464	

Tại ngày 01/01/2017, thời gian quá hạn của một số khoản nợ phải thu quá hạn được trình bày lại cho phù hợp với tình hình thực tế.

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	623.544.394	-	3.299.931.921	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.701.490.671	-	7.830.064.499	-
Thành phẩm	464.423.990	-	-	-
Hàng hóa	124.245.000	-	124.245.000	-
Hàng hóa bất động sản	694.020.000	-	5.455.830.024	-
Cộng	11.607.724.055	-	16.710.071.444	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ cuối kỳ là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả cuối kỳ là 0 VND.

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAMSố 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	4.154.363.997	60.295.155.792	7151.783.501	71.601.303.290
Mua trong kỳ	-	4.504.836.742	857.240.727	5.362.077.469
Đầu tư XDCB hoàn thành	438.949.950	-	-	438.949.950
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.602.016.957)	(643.522.386)	(3.245.539.343)
Tại ngày 30/06/2017	4.593.313.947	62.197.975.577	7.365.501.842	74.156.791.366
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	2.760.347.527	38.114.480.577	5.899.657.627	46.774.485.731
Khấu hao trong kỳ	138.758.755	6.094.335.721	203.630.319	6.436.724.795
Tặng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.602.016.957)	(643.522.386)	(3.245.539.343)
Tại ngày 30/06/2017	2.899.106.282	41.606.799.341	5.459.765.560	49.965.671.183
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	1.394.016.470	22.180.675.215	1.252.125.874	24.826.817.559
Tại ngày 30/06/2017	1.694.207.665	20.591.176.236	1.905.736.282	24.191.120.183

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 21.677.922.384 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.488.748.310 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2017	258.293.600	258.293.600
Tăng khác	-	-
Tại ngày 30/06/2017	258.293.600	258.293.600
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2017	4.899.083	4.899.083
Khấu hao trong kỳ	489.908	489.908
Tại ngày 30/06/2017	5.388.991	5.388.991
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2017	253.394.517	253.394.517
Tại ngày 30/06/2017	252.904.609	252.904.609

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 VND.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	6.968.728.800	3.169.145.100
Chi phí khác tại mỏ đá	593.304.409	986.608.818
Chi phí sửa chữa	17.591.113	35.182.227
Cộng	7.579.624.322	4.190.936.145

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Phạm Thanh Việt	1.948.983.100	1.948.983.100	-	-
Công ty CP QL&XD Đường bộ Quảng Nam	-	-	1.865.664.000	1.865.664.000
Công ty TNHH Vận tải và TM Trường Xuân	815.319.179	815.319.179	302.176.993	302.176.993
UBND xã Điện Ngọc	889.694.244	889.694.244	939.694.244	939.694.244
Phải trả cho các đối tượng khác	1.667.554.657	1.667.554.657	2.836.644.562	2.836.644.562
Cộng	5.321.551.180	5.321.551.180	5.944.179.799	5.944.179.799

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
BQL DA các công trình giao thông Quảng Nam	9.342.331.000	7.615.253.000
Công ty TNHH ĐT&PT Xây dựng Trường Giang	400.000.000	3.032.533.300
Các khách hàng khác	2.425.779.420	1.753.221.484
Cộng	12.168.110.420	12.401.007.784

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAMSố 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ,
Tỉnh Quảng Nam, Việt NamCho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	245.972.790	6.998.532.969	7.481.370.551	-	728.810.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	803.693.133	1.374.971.347	980.451.073	-	409.172.859
Thuế thu nhập cá nhân	-	44.454.591	137.418.236	115.963.645	-	23.000.000
Thuế tài nguyên	-	390.400.001	2.362.145.451	2.348.190.903	-	376.445.453
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	62.758.527	125.894.087	63.135.560	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	17.911.950	112.017.030	112.751.410	-	18.646.330
Cộng	-	1.565.190.992	11.110.979.120	11.101.863.142	-	1.556.075.014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Lãi vay phải trả	5.828.420	717.507
Chi phí phải trả Dự án KĐT Điện Nam-Điện Ngọc	135.438.538	135.438.538
Chi phí trích trước chi phí thuê đất	56.294.919	-
Chi phí ủng hộ xã Duy Trung	250.000.000	-
Chi phí phải trả khác	79.939.091	-
Cộng	527.500.968	136.156.045

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thu tiền bán đất theo tiến độ hợp đồng	257.745.089	315.400.929
Cộng	257.745.089	315.400.929

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	94.737.297	73.107.582
Phải trả khối lượng cho các đội	4.597.290.472	5.903.653.302
Phải trả cổ tức cho cổ đông	6.210.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	343.000.000	338.000.000
Cộng	11.245.027.769	6.314.760.884

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Quảng Nam	7.796.229.603	7.796.229.603	12.626.085.403	6.264.868.850	1.435.013.050	1.435.013.050
Vay tồn ngân kho bạc công trình Điện Biên Phủ	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Tổng cộng	11.796.229.603	11.796.229.603	16.626.085.403	6.264.868.850	1.435.013.050	1.435.013.050

Chi tiết các khoản vay như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay (VND)	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
1. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Quảng Nam	6500H1/17023/NH NT ngày 12/06/2017	15.000.000.000	Tối đa 6 tháng	Lãi suất cố định từng giấy nhận nợ	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng,...
2. Ứng vốn Quỹ đầu tư Phát triển	01/2017/HĐUV-QĐT ngày 13/03/2017	4.000.000.000		1,8%/năm	Thực hiện công trình Điện Biên Phủ	Không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.905.417.254	3.594.354.811
Cộng	1.905.417.254	3.594.354.811
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	712.467.300	-
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường	470.993.874	-
Cộng	1.183.461.174	-

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAMSố 10 Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ,
Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	27.000.000.000	-	9.941.192.488	8.223.264.939	301.787.590	45.466.245.017
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.605.777.565	-	4.605.777.565
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thường Ban điều hành	-	-	-	(2.283.264.939)	-	(2.283.264.939)
Số dư tại ngày 30/06/2016	27.000.000.000	-	9.941.192.488	10.545.777.565	301.787.590	47.788.757.643
Chuyển nguồn	-	8.379.414.871	(8.379.414.871)	-	-	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	3.961.922.014	-	3.961.922.014
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(5.940.000.000)	-	(5.940.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2017	27.000.000.000	8.379.414.871	1.561.777.617	8.567.699.579	301.787.590	45.810.679.657
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	4.790.627.886	-	4.790.627.886
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	(500.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thường Ban điều hành	-	-	-	(1.857.699.579)	-	(1.857.699.579)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(6.210.000.000)	-	(6.210.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	27.000.000.000	8.379.414.871	2.061.777.617	4.790.627.886	301.787.590	42.533.607.964

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	14.526.000.000	14.526.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.474.000.000	12.474.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2017	27.000.000.000	27.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06/2017	27.000.000.000	27.000.000.000

4.19.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	2.700.000	2.700.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.700.000	2.700.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.19.5. Cổ tức đã trả

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 05/2017/ĐHCD ngày 18/05/2017 quyết định trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 23% vốn điều lệ (tương ứng 6.210.000.000 đồng); ngày đăng ký cuối cùng là 30/06/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 10/08/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2017	1.561.777.617
Trích trong kỳ	500.000.000
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2017	2.061.777.617

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	44.017.133.637	44.614.778.318
Doanh thu hoạt động khai thác đá	18.401.241.032	19.932.591.726
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản	8.910.109.826	417.350.395
Doanh thu khác	44.810.001	
Tổng cộng	71.373.294.496	64.964.720.439
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục [4.34]	2.669.533.636	4.914.318.181

4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị cắt giảm sau quyết toán	220.139.092	303.906.362
Cộng	220.139.092	303.906.362

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	44.768.969.290	40.744.744.226
Giá vốn khai thác đá	14.607.346.600	14.357.168.634
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.761.810.024	287.324.280
Giá vốn hoạt động khác	34.128.182	-
Cộng	64.172.254.096	55.389.237.140

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	315.856.252	288.763.297
Cộng	315.856.252	288.763.297

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	53.245.040	147.161.376
Phí bảo lãnh ngân hàng	48.089.625	39.512.767
Cộng	101.334.665	186.674.143

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí môi giới bất động sản	240.000.000	-
Cộng	240.000.000	-

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.623.187.566	1.792.027.354
Chi phí quản lý khác	565.369.091	2.922.015.063
Cộng	3.188.556.657	4.714.042.417

4.27. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	786.363.637	245.454.545
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.689.457.557	656.830.745
Thu nhập từ nhận đền bù do giải phóng mặt bằng	-	381.209.000
Thu nhập khác	98.119.805	1.724.473
Cộng	2.573.940.999	1.285.218.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nộp phạt và truy thu thuế	4.591.475	62.311.737
Các khoản khác	170.616.529	40
Cộng	175.208.004	62.311.777

4.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.576.059.763	25.722.486.815
Chi phí nhân công	15.422.184.993	6.407.646.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.437.214.703	6.520.737.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.726.905.138	16.299.751.899
Chi phí khác bằng tiền	3.664.810.357	1.631.888.397
Cộng	65.827.174.954	56.582.511.358

4.30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	6.165.599.233	5.882.530.660
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	693.157.502	315.236.242
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ, phạt thuế	693.157.502	315.236.242
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.858.756.735	6.197.766.902
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.371.751.347	1.239.553.095
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này	3.220.000	37.200.000
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.374.971.347	1.276.753.095

4.31. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.626.085.403	1.037.970.300
Cộng	16.626.085.403	1.037.970.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.32. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.264.868.850	7.192.689.700
Cộng	6.264.868.850	7.192.689.700

4.33. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có hoạt động chính là hoạt động xây lắp, sản xuất đá và kinh doanh chuyển nhượng bất động sản và không có các chi nhánh tại các địa phương khác. Vì vậy, Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

- Hoạt động xây lắp;
- Sản xuất kinh doanh đá;
- Chuyển nhượng bất động sản.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Sản xuất đá VND	Chuyển nhượng BĐS VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu	44.017.133.637	18.401.241.032	8.910.109.826	44.810.001	71.373.294.496
Các khoản giảm trừ doanh thu	220.139.092	-	-	-	220.139.092
Giá vốn	44.768.969.290	14.607.346.600	4.761.810.024	34.128.182	64.172.254.096
Chi phí bán hàng	-	-	240.000.000	-	240.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					3.188.556.657
Doanh thu tài chính không phân bổ					315.856.252
Chi phí tài chính không phân bổ					101.334.665
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					3.766.866.238
Thu nhập khác					2.573.940.999
Chi phí khác					175.208.004
Lợi nhuận khác					2.398.732.995
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					6.165.599.233
Chi phí thuế TNDN hiện hành					1.374.971.347
Lợi nhuận sau thuế TNDN					4.790.627.886

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác (tại ngày 30/06/2017)

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Sản xuất đá VND	Chuyển nhượng BĐS VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Tài sản cố định					
- Nguyên giá	46.217.142.362	27.939.649.004	-	-	74.415.084.966
- Hao mòn	(27.327.317.029)	(22.638.354.154)	-	-	(49.971.060.174)
Phải thu khách hàng	22.987.456.286	688.600	166.500.000	118.100.000	23.272.744.886
Trả trước cho người bán	1.911.615.000	58.263.300			1.969.878.300
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.073.066.453)	-	-	-	(3.073.066.453)
Phải thu dài hạn khác	-	990.896.525	-	-	990.896.525
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	43.725.315.783
Tổng tài sản					91.329.793.833

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Sản xuất đá VND	Chuyển nhượng BĐS VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Nợ phải trả người bán ngắn hạn	3.541.529.180	1.780.022.000	-	-	5.321.551.180
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.742.331.000	2.425.779.420	-	-	12.168.110.420
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	257.745.089	-	257.745.089
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.905.417.254	-	-	-	1.905.417.254
Dự phòng phải trả dài hạn	1.183.461.174	-	-	-	1.183.461.174
Nợ phải trả không phân bổ					27.553.669.363
Tổng nợ phải trả					48.389.954.480

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Sản xuất đá VND	Chuyển nhượng BĐS VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu	44.614.778.318	19.932.591.726	417.350.395	-	64.964.720.439
Các khoản giảm trừ doanh thu	303.906.362	-	-	-	303.906.362
Giá vốn	40.744.744.226	14.357.168.634	287.324.280	-	55.389.237.140
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					4.714.042.417
Doanh thu tài chính không phân bổ					288.763.297
Chi phí tài chính không phân bổ					186.674.143
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					4.659.623.674
Thu nhập khác					1.285.218.763
Chi phí khác					62.311.777
Lợi nhuận khác					1.222.906.986
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					5.882.530.660
Chi phí thuế TNDN hiện hành					1.276.753.095
Lợi nhuận sau thuế TNDN					4.605.777.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin khác (Tại ngày 01/01/2017)

Chi tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Sản xuất đá VND	Chuyển nhượng BĐS VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Tài sản cố định					
- Nguyên giá	53.125.263.365	18.734.333.525	-	-	71.859.596.890
- Hao mòn	(39.463.702.914)	(7.315.681.900)	-	-	(46.779.384.814)
Phải thu khách hàng	26.563.144.956	-	-	939.694.244	27.502.839.200
Trả trước cho người bán	80.054.300	-	-	-	80.054.300
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.700.476.114)	-	-	-	(4.700.476.114)
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	33.341.212.317
Tổng tài sản					81.303.841.779

Chi tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Sản xuất đá VND	Chuyển nhượng BĐS VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Nợ phải trả người bán ngắn hạn	5.944.179.799	-	-	-	5.944.179.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.401.007.784	-	-	-	12.401.007.784
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	315.400.929	-	315.400.929
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.594.354.811	-	-	-	3.594.354.811
Nợ phải trả không phân bổ					12.831.987.410
Tổng nợ phải trả					35.086.930.733

4.34. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Xây dựng Đường bộ Số 1
- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty con	936.487.000	2.806.148.000
Cộng – Xem thêm mục [4.3]	936.487.000	2.806.148.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau::

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty con	2.669.533.636	4.914.318.181
Cộng – Xem thêm mục [4.20]	2.669.533.636	4.914.318.181

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao HĐQT	46.500.000	41.400.000
Tiền lương và thưởng của Ban Giám đốc	872.128.945	524.089.309

4.35. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	42.000.000	40.200.000

4.36. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có rủi ro lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.027.329.985	6.455.911.404
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.545.438.285	25.532.011.661
Các khoản đầu tư	16.000.000.000	-
Cộng	<u>42.572.768.270</u>	<u>31.987.923.065</u>
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	11.796.229.603	1.435.013.050
Phải trả người bán và phải trả khác	16.471.841.652	12.185.833.101
Chi phí phải trả	527.500.968	136.156.045
Cộng	<u>28.795.572.223</u>	<u>13.757.002.196</u>

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	11.796.229.603	16.999.342.620	28.795.572.223
Tại ngày 30/06/2017	<u>11.796.229.603</u>	<u>16.999.342.620</u>	<u>28.795.572.223</u>
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.435.013.050	12.321.989.146	13.757.002.196
Tại ngày 01/01/2017	<u>1.435.013.050</u>	<u>12.321.989.146</u>	<u>13.757.002.196</u>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi.
Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất cố định	11.796.229.603	1.435.013.050

4.37. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập